

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC DÀNH CHO HD KHÔNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN

BÀI: CHƠI CHỮ

Trong các phép tu từ từ vựng, có một phép tu từ vừa có tác dụng tạo sắc thái dí dỏm, hài hước cho lời thơ, văn, vừa có tác dụng làm cho từ ngữ thêm phong phú đó là chơi chữ?

Vậy chơi chữ có ý nghĩa gì? chơi chữ bằng những cách nào ta cùng tìm hiểu nội dung bài học.

Hoạt động	Kiến thức cần đạt
HD1.HD HS hình thành khái niệm chơi chữ: - Giáo viên gọi học sinh đọc bài tập 1 SGK H: Em có người xét gì về nghĩa của các bài các từ “lợi” trong bài ca dao vừa đọc? H: Việc sử dụng của “lợi” ở câu cuối của bài cao dao dựa vào hiện tượng gì của từ ngữ?	I. Thế nào là chơi chữ 1. Bài tập Lợi 1: Thuận lợi, lợi lộc Lợi 2,3: Phần thịt bao quanh chân răng - Tác giả sử dụng hiện tượng đồng âm của từ
H: Việc sử dụng như thế có tác dụng gì?	- Tác dụng: -> Phê phán, châm biếm một chuyện ngược đời, bất bình thường” Bà đã già rồi còn tính chuyện chồng con làm gì nữa?” -> Tạo sắc thái hài hước, cách hiểu bất ngờ, lý thú. 2. Kết luận: Ghi nhớ 1 (SGK – T146)

HD2.HDHS tìm hiểu các lỗi chơi chữ: Bài tập mở rộng: a. Trắng bao nhiêu tuổi trắng già Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non (Ca dao) b. Tiếng già nhưng núi vẫn là núi non. (Nguyễn Khuyến) c. Còn trời, còn nước, còn non Còn cô bán rượu, anh còn say sưa. (Ca dao) d. Đi tu Phật bắt ăn chay Thịt chó ăn được, thịt cây thì không (Ca dao)	II. Các lỗi chơi chữ: 1. Bài tập . 1) - “Ranh tướng” với “danh tướng” => giấu cột Nava. - “Nồng nặc” đi với “tiếng tăm” => tương phản về ý nghĩa => châm biếm, đả kích. => Dựa vào lỗi nói trại âm (gần âm) (2) - Điệp phụ âm đầu: m => Dùng cách điệp âm (3) Cá đối – cội đá mèo cái – mái kèo => Chơi chữ bằng cách nói lái: (4) - Sầu riêng¹: Chỉ trạng thái tâm lý có tính tiêu cực của cá nhân (tính từ) Trái nghĩa với vui chung: trạng thái tâm lý có tính tích cực của tập thể - Sầu riêng 2: một loại quả ở Nam Bộ (danh từ) => Chơi chữ bằng từ đồng âm và trái nghĩa:
* Non có nhiều nghĩa: - Với sự vật: đồng nghĩa với núi.	2. Kết quả: SGK – T165 Các lỗi chơi chữ thường gặp: - Dùng từ ngữ đồng âm.

- Với tính chất: Trái nghĩa với già. => Khai thác từ đồng nghĩa, trái nghĩa. * Say sưa có nhiều nghĩa: - Yêu thích cái đẹp, cảnh đẹp thiên nhiên (trời, nước, non). - Say mê sắc đẹp về duyên dáng, nhanh nhẹn của cô bán rượu. -> Khai thác từ nhiều nghĩa, nói nước đôi, lấp lửng. * Thệt chó, thệt cây: -> Khai thác từ đồng nghĩa, tạo ra sự dí dỏm	- Dùng lối nói trại âm (gần âm) - Dùng cách điệp âm. - Dùng lối nói lái. - Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.
HD3.HDHS luyện tập: ? Từ bài tập trên hãy cho biết thế nào là chơi chữ? Chơi chữ có tác dụng gì? - GV gọi 1 HS đọc rõ ràng mục ghi nhớ. ? Hãy chỉ ra các lối chơi chữ trong các câu thơ, ca dao? ? Từ bài tập trên hãy chỉ ra các lối chơi chữ thường gặp?	III. Luyện tập: 1. Bài tập 1: - Các từ ngữ để chơi chữ: là các từ ngữ chỉ các loài rắn: + Liu điu, rắn, hổ lửa, mai gầm, ráo, Trâu Lỗ, hổ mang. => Vừa chơi chữ đồng âm, vừa chơi chữ theo lối dùng các từ có nghĩa gần gũi nhau.

- GV gọi 1 HS đọc ghi nhớ 2 SGK ? Lấy một vài ví dụ về các lối chơi chữ và chỉ ra tác dụng?	2. Bài tập 2: - Chơi chữ dựa vào cách dùng các từ gần nghĩa (cùng trường nghĩa) + Thịt: Mỡ, dò (giò) nem, chả + Nứa: Tre, trúc, hóp.
GV thu phiếu học tập nhận xét và chữa đáp án? - HS thực hiện nhóm nhỏ theo bàn - Đại diện của các nhóm lên trả lời - Nhận xét chéo - GV nhận xét, sửa sai (nếu có) HS thực hiện bài tập theo từng cặp đôi chia sẻ	* Bài tập 4: Phân tích lối chơi chữ trong bài thơ của Bác Hồ: - gói cam (1) - Cam lai (2) - Dùng từ đồng âm: + Cam 1 (DT) => một loại quả + Cam 2 (TT) => chỉ sự vui vẻ, hạnh phúc, tốt đẹp. => Hết khổ cực đến sung sướng.
VD: Phân tích các ngữ cảnh tương tự: - Cụ giáo làm giáo cụ. - Rừng sâu mưa lâm thâm. - Thầy giáo tháo giày đi chân đất. Phân tích ngữ cảnh tương tự:	* Bài tập 5: Phân tích nghệ thuật chơi chữ trong các ngữ cảnh sau: a- Da trắng vỗ bì bạch - Da trắng đồng nghĩa với bì bạch - Bì bạch còn là từ tượng thanh -> về đối chơi chữ lắt léo, lợi dụng sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa ngữ nghĩa và âm thanh của từ. c - Cóc chết để nhái mô côi

GV cho HS làm những bài tập bổ sung - HS thực hiện nhóm - Đại diện của các nhóm lên trả lời - Nhận xét chéo - GV nhận xét, sửa sai (nếu có)	Chẫu ngòi chẫu khóc:Chàng ơi là chàng! - Cùng trường nghĩa:Cóc, nhái, chẫu chàng. - Từ nhiều nghĩa: chàng. + Chàng 1: Con chẫu chàng. + Chàng 3: Đại từ -> người con trai - Tách từ: Chẫu chàng: chẫu...chàng...
---	---